

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2020/DS-ST
Ngày 23 - 11 - 2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bạch Đình Ca.

Bà H Bliăk Niê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa: Bà Hà Thanh Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 63/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2020/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng H.

Địa chỉ: Số 25 đường K, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc Th – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Nguyễn Bảo H – Giám đốc trung tâm xử lý nợ (Quyết định ủy quyền số 272/2019/QĐ-TGD ngày 21/02/2019).

Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Xuân Đ – Chuyên viên quan hệ khách hàng cá nhân (Văn bản ủy quyền số 489/2019/UQ-HDBANK-TPXLN ngày 23/8/2019).

Địa chỉ: Thôn 2, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

Bị đơn: Ông Cao Văn Th, sinh năm 1971 và bà Mai Thị T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng H (nguyên đơn) đã cho ông Cao Văn Th và bà Mai Thị T (bị đơn) vay tiền theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0625/18/HĐTDHM-CN/131 ngày 23/05/2018 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0625/18/HĐTDHM-CN/131/ĐNGN-KUNN/CN/01 ngày 24/05/2018, số tiền vay 220.000.000 đồng, lãi suất 11%/năm, hạn trả nợ ngày 24/5/2019, mục đích vay bổ sung vốn trồng trọt.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 91, tờ bản đồ số 45 tọa lạc tại xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 695498 do UBND huyện K cấp ngày 27/03/2018, Sổ vào sổ cấp GCN: CH 22181.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 84, tờ bản đồ số 45 tọa lạc tại xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 695264 do UBND huyện K ngày 20/11/2017, Sổ vào sổ cấp GCN: CH 22115.

Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0449/18/HĐBĐ-131 ngày 23/5/2018. Công chứng tại Văn phòng Công chứng huyện K, số công chứng 03615, quyền số 06/CC-SCC/HĐGD. Đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K, tỉnh Đắk Lắk ngày 24/05/2018.

Trong quá trình vay vốn nguyên đơn được biết bị đơn đã bỏ đi vắng mặt tại địa phương trong thời gian dài và không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Tính đến ngày 23/11/2020, số tiền mà bị đơn còn nợ nguyên đơn là: 295.161.261 đồng (trong đó: Nợ gốc: 220.000.000 đồng, lãi trong hạn: 11.833.247 đồng, lãi quá hạn: 63.328.014 đồng).

Vì vậy nguyên đơn yêu cầu Tòa giải quyết buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ trên và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến ngày bị đơn tắt toán xong khoản vay với nguyên đơn. Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp của bị đơn để thu hồi nợ. Nếu số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bị đơn vẫn phải có nghĩa vụ trả nợ.

Đối với bị đơn ông Cao Văn Th và bà Mai Thị T, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án và nhiều lần tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú trên phương tiện thông tin đại chúng để thông báo cho bị đơn biết để tham gia tố tụng bảo vệ quyền lợi của mình nhưng bị đơn đều vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc. Vì vậy, Tòa án không lấy được lời khai bị đơn và tiến hành giám định chữ ký, chữ viết của bị đơn trong hợp đồng tín dụng để làm căn cứ giải quyết vụ án. Tại kết luận giám định số 118/PC09 ngày 20/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận chữ ký, chữ viết Cao Văn Th và Mai Thị T trong Hợp đồng tín dụng số

0625/18/HĐTDHM-CN/131 ngày 23/05/2018 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0625/18/HĐTDHM-CN/131/ĐNGN-KUNN/CN/01 ngày 24/05/2018 là do các bị đơn ký và viết ra.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 299, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Luật các tổ chức tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 220.000.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng. Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp bị đơn không trả hết nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0449/18/HĐBD-131 ký ngày 23/5/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 0625/18/HĐTDHM-CN/131 ngày 23/05/2018 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0625/18/HĐTDHM-CN/131/ĐNGN-KUNN/CN/01 ngày 24/05/2018 được ký kết giữa nguyên đơn với bị đơn nên quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại Thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý và xét xử vắng mặt đối với bị đơn là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về nợ gốc: Căn cứ Kết luận giám định số 118/PC09 ngày 20/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, Hợp đồng tín dụng số 0625/18/HĐTDHM-CN/131 ngày 23/05/2018 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0625/18/HĐTDHM-CN/131/ĐNGN-KUNN/CN/01 ngày 24/05/2018 được ký kết giữa nguyên đơn với bị đơn thể hiện ngày 24/5/2018 nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền gốc 220.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn trồng trọt, lãi suất vay 11%/năm, thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 24/5/2019. Nội dung các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật tại các Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn vay số tiền gốc nêu trên. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn khi đến hạn là vi phạm nội dung thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng đã ký kết. Việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã

xâm phạm đến quyền lợi của nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 220.000.000 đồng là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về số nợ gốc.

[3] Về nợ lãi: Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Căn cứ tại Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Hội đồng xét xử nhận thấy việc thỏa thuận lãi suất giữa các bên là phù hợp với quy định của pháp luật. Theo đó bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi tính đến ngày 23/11/2020 là 75.161.261 đồng (gồm lãi trong hạn 11.833.247 đồng, lãi quá hạn 63.328.014 đồng) là có cơ sở nên cần chấp nhận. Đồng thời, bị đơn phải tiếp tục trả số tiền lãi phát sinh từ ngày 24/11/2020 cho đến khi tất toán xong các khoản nợ với nguyên đơn theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng.

[4] Về biện pháp bảo đảm: Xét thấy khi vay các bên có lập Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0449/18/HĐBĐ-131 ngày 23/5/2018 để bảo đảm cho khoản vay của bị đơn, tài sản thế chấp gồm có:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 91, tờ bản đồ số 45 tọa lạc tại xã H, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 695498 do UBND huyện K cấp ngày 27/03/2018, Sổ vào sổ cấp GCN: CH 22181.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 84, tờ bản đồ số 45 tọa lạc tại xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 695264 do UBND huyện K ngày 20/11/2017, Sổ vào sổ cấp GCN: CH 22115.

Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng Công chứng huyện K và được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K, tỉnh Đắk Lắk ngày 24/05/2018 theo quy định tại Điều 10 và Điều 12 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm nên trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[5] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp và trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của bị đơn là có căn cứ và cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Vì vậy, bị đơn phải chịu toàn bộ khoản tiền chi phí tố tụng và có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn 5.540.000 đồng (năm triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết là phù hợp với quy định tại Điều 157 và Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Về lệ phí thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú trên phương tiện thông tin đại chúng: Căn cứ vào Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn

phải chịu 3.020.000 đồng lệ phí thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp và đã chi phí xong.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, với mức $295.161.261 \text{ đồng} \times 5\% = 14.758.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 157, 161, 180, 227, 235, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng: Điều 299, 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H.

Buộc ông Cao Văn Th và bà Mai Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng H số tiền tính đến ngày 23/11/2020 gồm: tiền gốc 220.000.000 đồng và 75.161.261 đồng tiền lãi, tổng cộng 295.161.261 đồng (*hai trăm chín mươi lăm triệu, một trăm sáu mươi một nghìn, hai trăm sáu mươi một đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 0625/18/HĐTDHM-CN/131 ngày 23/05/2018 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0625/18/HĐTDHM-CN/131/ĐNGN-KUNN/CN/01 ngày 24/05/2018.

* Về xử lý tài sản thế chấp: Ngân hàng H có trách nhiệm trả lại tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0449/18/HĐBĐ-131 ngày 23/5/2018 sau khi ông Cao Văn Th và Bà Mai Thị T trả hết nợ. Nếu ông Cao Văn Th và bà Mai Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng H có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, tài sản thế chấp theo Hợp đồng Thế chấp quyền sử dụng đất số 0449/18/HĐBĐ-131 ngày 23/5/2018 gồm có:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 91, tờ bản đồ số 45 tọa lạc tại xã H, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 695498 do UBND huyện K cấp ngày 27/03/2018, Số vào sổ cấp GCN: CH 22181.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 84, tờ bản đồ số 45 tọa lạc tại xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 695264 do UBND huyện K ngày 20/11/2017, Số vào sổ cấp GCN: CH 22115.

Trường hợp xử lý tài sản thế chấp mà giá trị không đủ trả nợ thì ông Cao Văn Th và bà Mai Thị T vẫn phải tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương H.

* Về chi phí tố tụng: Ông Cao Văn Th và bà Mai Thị T có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng H 5.540.000 đồng (*năm triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng*) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết.

* Về lệ phí thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú: Ngân hàng Thương H phải chịu 3.020.000 đồng (*ba triệu, không trăm hai mươi nghìn đồng*) lệ phí thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp và đã chi phí xong.

* Về án phí: Ông Cao Văn Th và bà Mai Thị T liên đới chịu 14.758.000 đồng (*mười bốn triệu, bảy trăm năm mươi tám nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng H không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.075.000 đồng (*sáu triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0007131 ngày 13/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quốc Định